

Số: 54 /GP-TNMT

Bắc Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH E-PARKS ngày 20/12/2018 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước tại Báo cáo thẩm định số 09/TNN-BCTĐ ngày 16/01/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH E-PARKS (địa chỉ: Lô CN5, Cụm công nghiệp Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang), được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Ngòi Đại La, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2. Vị trí xả nước thải:

- Cụm CN Hợp Thịnh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0):

X: 2358 574,19; Y: 386 872,54

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q=0,9$, $K_f= 1,0$; cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa $C = (Cột B * K_q * K_f)$
1	Nhiệt độ	⁰ C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD5 (20°C)	mg/l	27
5	COD	mg/l	67,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
7	Asen	mg/l	0,045
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045
9	Chì	mg/l	0,09
10	Cadimi	mg/l	0,045
11	Crom (VI)	mg/l	0,045
12	Crom (III)	mg/l	0,18
13	Đồng	mg/l	1,8
14	Kẽm	mg/l	2,7
15	Niken	mg/l	0,18
16	Mangan	mg/l	0,45
17	Sắt	mg/l	0,9
18	Tổng xianua	mg/l	0,063
19	Tổng phenol	mg/l	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoán g	mg/l	4,5
21	Sunfua	mg/l	0,18
22	Florua	mg/l	4,5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
24	Tổng nitơ	mg/l	18
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6
26	Clo dư	mg/l	0,9
27	Tổng hoá chất bảo vệ thực	mg/l	0,045

	vật clo hữu cơ		
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	0,27
29	Tổng PCB	mg/l	0,0027
30	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3000
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

7. Thời hạn của giấy phép là ba (03) năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH E-PARKS:

1. Thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép và Đề án đã được phê duyệt; trong quá trình xả nước thải vào nguồn nước nếu có những thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 và nội dung cam kết trong Đề án thì chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng nước thải và lập sổ theo dõi lượng nước xả thải hàng ngày theo quy định.

3. Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải, nguồn nước tiếp nhận và tần suất quan trắc như sau:

a) Quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải tại hai (02) vị trí: Một (01) vị trí trước hệ thống xử lý nước thải (bể thu gom nước thải); một (01) vị trí sau hệ thống xử lý nước thải.

b) Quan trắc chất lượng nguồn nước tiếp nhận một (01) vị trí tại nơi tiếp nhận nguồn nước thải.

c) Thông số quan trắc:

- Chất lượng nước thải: Các thông số quy định theo khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

- Chất lượng nguồn tiếp nhận: Các thông số đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT: 2015/BTNMT, cột B₁.

d) Tần suất quan trắc:

- 04 lần/năm (Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12) đối với nước thải trước hệ thống xử lý nước thải và nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

- 02 lần/năm (Tháng 6, tháng 12) đối với nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải của Công ty.

4. Định kỳ thực hiện việc nạo vét các cống, rãnh thu gom nước thải và các bể xử lý nước thải đảm bảo được hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải; thu gom vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định thì phải ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục.

5. Thực hiện đúng cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước.

6. Khi những Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt ở trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải và giá trị giới hạn các thông số chất lượng nước mặt áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường về hệ thống công trình xả nước thải hoặc những ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do xả nước thải gây ra.

8. Định kỳ 6 tháng báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa về tình hình xả nước thải vào nguồn nước, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 của Giấy phép này. Thời điểm nộp báo cáo trước ngày 30 tháng 6 và ngày 30 tháng 12 hàng năm.

9. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

10. Xây dựng phương án ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước.

Sau khi được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, phòng Tài nguyên và Môi trường vi phạm các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và trong hồ sơ đã cam kết thì sẽ bị đình chỉ hoặc thu hồi theo quy định và phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan.

Điều 3. Công ty TNHH E-PARKS được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH E-PARKS còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung như Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (b/c);
- Cục quản lý TNN (b/c);
- LDS (GD, PGD-PT);
- P.TN&MT huyện Hiệp Hòa (giám sát);
- Công ty TNHH E-PARKS (T/h);
- VPS (K.toán, một cửa), TNN;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Xuyên